

**GIẤY PHÉP
THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất ngày 05/5/2020 của Công ty cổ phần Tập đoàn FLC;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 77/TTr-BQL ngày 21/5/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Tập đoàn FLC (Địa chỉ: Điểm số 4, Khu du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiến và Khu đất số 6 thuộc quy hoạch Khu đô thị mới Nhơn Hội, xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn, Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định) được thăm dò nước dưới đất theo hồ sơ thăm dò nước dưới đất, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục đích thăm dò nước dưới đất: Thăm dò, đánh giá trữ lượng nguồn nước dưới đất để khai thác phục vụ Dự án Khu đô thị du lịch sinh thái FLC Quy Nhơn.

2. Quy mô thăm dò:

- Tổng số giếng thăm dò: 25 giếng;
- Lưu lượng thăm dò: 2.727 m³/ngày đêm.

3. Vị trí công trình thăm dò:

- Các giếng thăm dò thuộc mặt bằng Dự án Khu đô thị du lịch sinh thái FLC Quy Nhơn tại Điểm số 4, Khu du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiến và Khu đất số 6 thuộc quy hoạch Khu đô thị mới Nhơn Hội, xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn, Khu kinh tế Nhơn Hội.

- Tọa độ các điểm góc giới hạn phạm vi bố trí công trình thăm dò theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3^0 như sau:

Stt	Tọa độ		Stt	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1535043.68	611355.42	21	1536157.56	610121.89
2	1535293.11	611391.31	22	1536060.98	610199.78
3	1535293.11	611388.43	23	1535974.32	610255.60
4	1536079.95	611503.84	24	1535841.28	610317.24
5	1536094.77	611453.70	25	1535823.86	610271.02
6	1536169.38	611327.82	26	1535773.55	610287.67
7	1536221.56	611225.47	27	1535767.20	610300.31
8	1536296.90	611101.15	28	1535672.61	610331.67
9	1536806.91	610436.15	29	1535539.42	610345.16
10	1537047.83	610173.26	30	1535046.62	611334.63
11	1537281.51	609953.90	31	1535053.68	611326.92
12	1536950.84	609580.35	32	1534992.23	611175.16
13	1536849.79	609607.66	33	1534972.74	610976.98
14	1536748.8	609666.61	34	1534983.98	610928.81
15	1536570.59	609826.64	35	1535047.87	610842.89
16	1536397.65	609921.90	36	1535118.90	610747.62
17	1536334.05	609939.37	37	1535118.90	610747.62
18	1536183.65	610024.83	38	1535213.28	610433.61
19	1536127.04	610092.41	39	1535291.14	610326.09
20	1536127.41	610096.63			

4. Tầng chứa nước thăm dò: Trầm tích lỗ hồng Holocen (qh).

5. Khối lượng các hạng mục thăm dò chủ yếu được thể hiện tại Phụ lục kèm theo Giấy phép này.

6. Thời hạn Giấy phép thăm dò: 02 năm.

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Công ty cổ phần Tập đoàn FLC Quy Nhơn:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 4, Điều 14 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến thiết kế, thi công công trình thăm dò nước dưới đất;

4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan liên quan trong suốt quá trình thăm dò nước dưới đất;

5. Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, quy định về bảo vệ tài nguyên nước dưới đất trong quá trình thăm dò. Sau khi kết thúc thăm dò phải thực hiện trám lấp, bảo vệ lỗ khoan theo đúng quy định.

6. Trong quá trình thăm dò, nếu đơn vị có sự điều chỉnh về khối lượng, vị trí các công trình thăm dò phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh và đơn vị chỉ được phép thực hiện việc điều chỉnh khi được UBND tỉnh đồng ý.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần Tập đoàn FLC còn tiếp tục thăm dò nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận :

- CT, PCT N.P.Long;
- Cty CP Tập đoàn FLC;
- Cục Quản lý tài nguyên nước (b/cáo);
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND TP Quy Nhơn;
- Lưu: VP, K6.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phi Long

Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
CÔNG TÁC THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Kèm theo Giấy phép thăm dò nước dưới đất số /GP-UBND
ngày / /2020 của UBND tỉnh)

Stt	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Tổng khối lượng
1	Thu thập tài liệu, khảo sát, lập Đề án trình cấp thẩm quyền cấp phép thăm dò	Đề án	1
2	Điều tra khảo sát hiện trạng khai thác tài nguyên nước dưới đất, hiện trạng các nguồn thải trong khu vực thăm dò	km ²	3
3	Khoan thăm dò	lk/m	25/650
4	Kết cấu giếng khoan		
-	Ống chống PVC Class 5 Φ140 mm	lk/m	25/346
-	Ống lọc PVC Class 5 Φ140 mm	lk/m	25/304
-	Lưới inox 0,01mm	m	346
5	Bơm thổi rửa	ca	25
-	Hút thí nghiệm	ca	150
-	Đo hồi phục	ca	75
6	Lấy mẫu nước và phân tích 1 bộ mẫu	bộ	25
-	Mẫu hóa toàn diện	mẫu	25
-	Mẫu vi sinh	mẫu	25
7	Lập báo cáo kết quả thăm dò, trình cấp thẩm quyền thẩm định	báo cáo	1
8	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác	báo cáo	1
9	Vận chuyển thiết bị, vật tư, nhân lực và làm nhà tạm thi công		
10	Bộ mẫu nước đi phân tích	Bộ mẫu	25
11	Lập báo cáo kết quả thăm dò trình cấp thẩm quyền thẩm định	báo cáo	1
12	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác	báo cáo	1